| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ<br>**HỌC VIỆN**<br>**CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|---|---|
| Số: 197 /TB-HVCSPT | *Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022* |

# THÔNG BÁO

**V/v thời khóa biểu và lịch đăng ký tín chỉ học kỳ I, đợt học 2 năm học 2022 – 2023 các khóa 10, 11, 12**

Căn cứ vào Chương trình đào tạo và Kế hoạch học tập năm học 2022 – 2023;

Học viện Chính sách và Phát triển thông báo:

**1. Thời khóa biểu:**

Thời khóa biểu học kỳ I năm học 2022 – 2023, đợt học 2 đối với sinh viên các khóa 10, 11, 12 chi tiết theo *file đính kèm*.

Các lớp Thực tập tốt nghiệp được mở trong Thời khóa biểu Khóa 10 cho các sinh viên Khóa 10 đủ điều kiện và các sinh viên Khóa 9 trở về trước đăng ký.

Các lớp Quy đổi điểm sẽ được mở đăng ký sau theo thông báo của Học viện.

Thời gian giảng dạy: 09 tuần từ ngày 07/11/2022 đến ngày 08/01/2023,

Cụ thể tiết học như sau:

| **BUỔI SÁNG** | **BUỔI CHIỀU** |
|---|---|
| Tiết 1: Từ 07h30 đến 08h20 | Tiết 6: Từ 13h00 đến 13h50 |
| Tiết 2: Từ 08h25 đến 09h15 | Tiết 7: Từ 13h55 đến 14h45 |
| Tiết 3: Từ 09h20 đến 10h10 | Tiết 8: Từ 14h50 đến 15h40 |
| Tiết 4: Từ 10h15 đến 11h05 | Tiết 9: Từ 15h45 đến 16h35 |
| Tiết 5: Từ 11h10 đến 12h00 | Tiết 10: Từ 16h40 đến 17h30 |

**2. Lịch đăng ký tín chỉ**

- Học viện đã đăng ký mặc định các học phần bắt buộc cho Sinh viên Khóa 10, 11, 12. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra kết quả đăng ký học trên trang www.tinchi.apd.edu.vn. Sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc tự hủy các học phần được Học viện đăng ký học mặc định.

- Sinh viên đăng ký bổ sung, hoặc thay đổi lịch học theo đúng thời gian thông báo của Học viện. Cần tham khảo ý kiến của CVHT trước khi đăng ký hoặc thay đổi lịch học.

- Sinh viên Khóa 10 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 10: Từ 20h00 thứ 3 ngày 01/11/2022 đến 18h00 thứ 4 ngày 02/11/2022.

- Sinh viên Khóa 11 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 11: Từ 21h00 thứ 3 ngày 01/11/2022 đến 19h00 thứ 4 ngày 02/11/2022.

- Sinh viên Khóa 12 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 12: Từ 22h00 thứ 3 ngày 01/11/2022 đến 20h00 thứ 4 ngày 02/11/2022.

- Hệ thống mở cho sinh viên các khóa 9 trở về trước, Khóa 10, 11, 12 đăng ký liên thông: Từ 21h00 thứ 4 ngày 02/11/2022 đến 14h00 thứ 5 ngày 03/11/2022.

**3. Thời gian xử lý đơn đăng ký/hủy lớp học phần:**

Khoa Quản lý sinh viên, Viện Đào tạo quốc tế tiếp nhận đơn trực tuyến từ sinh viên và tổng hợp gửi Phòng QLĐT từ ngày 04/11/2022 đến hết ngày 08/11/2022.

* **Lưu ý**: Yêu cầu sinh viên kiểm tra tài khoản đăng kí trước khi làm đơn. Phòng Quản lý đào tạo chỉ xử lý đơn hủy, và những đơn chưa đăng kí đủ số tín chỉ, ưu tiên sinh viên khóa 10 trở về trước.

**4. Hình thức đào tạo: Trực tiếp tại Học viện**

Toàn bộ các lớp học phần sẽ được tổ chức giảng dạy và học tập trực tiếp, đồng thời được tạo lớp trên hệ thống LMS để hướng dẫn sinh viên tự học. Trong trường hợp bất khả kháng, có thể kết hợp giảng dạy trực tuyến qua ứng dụng Google Meet và LMS (do Giám đốc quyết định bằng văn bản).

**5. Để đảm bảo công tác giảng dạy được thực hiện đúng kế hoạch, Học viện Chính sách và Phát triển đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:**

- Trưởng các Khoa/Bộ môn gửi kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy, thông báo đến cố vấn học tập, giảng viên và sinh viên được biết và thực hiện. Kế hoạch phân công giảng viên gửi về Phòng Quản lý Đào tạo qua email: **hongminh22888@gmail.com** *(đ/c Minh) **trước 16h00 thứ 3, ngày 01/11/2022**.*

- Trung tâm Hỗ trợ đào tạo chuẩn bị giảng đường, trang thiết bị phục vụ học tập và bố trí cán bộ trực phục vụ công tác giảng dạy theo kế hoạch.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị cần chủ động triển khai và phối hợp thực hiện Thời khóa biểu Học kỳ I năm học 2022 - 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề cần giải quyết các đơn vị cần báo cáo với Ban Giám đốc (qua Phòng Quản lý đào tạo).

Đề nghị cán bộ, giảng viên và sinh viên nghiêm túc thực hiện./.

***Nơi nhận***:
- Ban Giám Đốc;
- Các đơn vị thuộc H/v (để t/hiện);
- Bộ phận quản lý website (đăng thông tin);
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (2 bản).

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

**TS. Nguyễn Thế Hùng**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ I, ĐỢT HỌC 2 - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10, HỆ ĐẠI TRÀ
## (09 TUẦN, TỪ NGÀY 07/11/2022 - 08/01/2023)

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 197 /TB-HVCSPT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)*

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 1 | Đấu thầu tư vấn(1-2223_2)_ĐTH10 | 60 | 3 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C303 | | | | |
| 2 | Định giá tài sản(1-2223_2)_NH10 | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C308 | | | | | | | 6-7 | C304 | | | | | | | | |
| 3 | Giám sát và đánh giá dự án(1-2223_2)_ĐTH10 | 60 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C303 | | | | | 1-2 | C303 | | | | | | | | | | |
| 4 | Kế toán thuế(1-2223_2)_KTKT10 | 90 | 3 | 5 | | | 8-10 | C302 | | | | | | | | | 1-2 | C302 | | | | | | | | | | |
| 5 | Luật thương mại quốc tế(1-2223_2)_LKT10 | 70 | 3 | 5 | | | 8-10 | C702 | | | | | | | 6-7 | C302 | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Ngân hàng Trung ương(1-2223_2)_NH10 | 40 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C303 | | | 3-5 | C303 | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Nghiệp vụ kinh doanh XNK(1-2223_2)_KTPT10 | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C304 | | | | | | | | | | | | | 8-9 | C401 | | | | | | | | |
| 8 | Phân tích báo cáo tài chính(1-2223_2)_ĐT10A + ĐTH10 | 70 | 3 | 5 | 1-2 | C302 | | | | | | | 3-5 | C302 | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Phân tích báo cáo tài chính(1-2223_2)_ĐT10B | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C303 | | | | | | | 1-2 | C303 | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Pháp luật sở hữu trí tuệ(1-2223_2)_LKT10 | 70 | 3 | 5 | | | 6-7 | C702 | | | | | | | 8-10 | C302 | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Pháp luật tài chính và ngân hàng(1-2223_2)_LKT10 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C401 | | | | | | | 8-10 | C304 | | | | | | | | |
| 12 | Quản trị chuỗi cung ứng(1-2223_2)_01 | 70 | 3 | 5 | | | 6-7 | C301 | | | | | | | | | 3-5 | C301 | | | | | | | | | | |
| 13 | Quản trị kho và bao bì(1-2223_2)_TMQT10 | 70 | 3 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C302 | | | | |
| 14 | Quản trị kinh doanh Logistics(1-2223_2)_TMQT10 | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C302 | | | | | | | | | | | 1-2 | C301 | | | | | | | | | | |

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 15 | Thuế trong thương mại quốc tế(1-2223_2)_TMQT10 | 70 | 3 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C301 | | |
| 16 | Thương mại điện tử(1-2223_2)_01 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C303 | | | | | | | 8-10 | C503 | | | | | | | | |
| 17 | Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp(1-2222_2)_KTKT10 | 90 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C702 | | | | | | | | | | | 3-5 | C404 | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ I, ĐỢT HỌC 2 - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11, HỆ ĐẠI TRÀ
## (09 TUẦN, TỪ NGÀY 07/11/2022 - 08/01/2023)

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 197 /TB-HVCSPT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)*

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 1 | Chính sách xã hội(1-2223_2)_QLC | 30 | 3 | 5 | | | 6-7 | C705 | | | | | | | | | 3-5 | C705 | | | | | | | | | | |
| 2 | Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam(1-2223_2)_KETOAN01 | 90 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C302 | | | | | | | | | | | 3-5 | C304 | | | | | | |
| 3 | Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam(1-2223_2)_KETOAN02 | 70 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C701 | | | | | | | | | | | 1-2 | C301 | | | | | | |
| 2 | Công pháp quốc tế(1-2223_2)_LU01 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | | | | | 6-7 | C303 | | | 8-10 | C703 | | | | |
| 3 | Công pháp quốc tế(1-2223_2)_LU02 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | 8-10 | C303 | | | 8-9 | C303 | | | | | | | | |
| 4 | Đấu thầu qua mạng(1-2223_2)_DTH | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C301 | | | | | | | 1-2 | C301 | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Kế toán quản trị(1-2223_2)_TC | 90 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C304 | | | | | | | | | | | | | 6-7 | C304 | | | | |
| 6 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(1-2223_2)_QTMA | 90 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C604 | | | | | 9-10 | C402 | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Kiểm toán nội bộ(1-2223_2)_KTO-01 | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | 1-2 | C402 | | | | | | | | | 8-10 | C304 | | | | |
| 8 | Kiểm toán nội bộ(1-2223_2)_KTO-02 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | 3-5 | C704 | | | | | | | | | 6-7 | C301 | | | | |
| 9 | Kinh tế đầu tư(1-2223_2)_KTPT_K11 | 70 | 3 | 5 | 1-2 | C301 | | | | | | | | | | | 3-5 | C303 | | | | | | | | | | |
| 10 | Kinh tế phát triển(1-2223_2)_01 | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C502 | | | | | | | | |
| 11 | Kinh tế vi mô 2(1-2223_2)_NH_K11 | 70 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C304 | | | | | | | | | | | | | 8-10 | C301 | | | | |
| 12 | Kinh tế vĩ mô 2(1-2223_2)_PTDL | 90 | 3 | 5 | | | 6-7 | C402 | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C402 | | | | | | |
| 13 | Luật Hiến pháp nước ngoài(1-2223_2)_LU01 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C301 | | | | | | | | | 3-5 | C303 | | | | | | |
| 14 | Luật Hiến pháp nước ngoài(1-2223_2)_LU02 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C301 | | | | | | | | | 1-2 | C303 | | | | | | |

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 15 | Marketing dịch vụ(1-2223_2)_TMQT | 90 | 3 | 5 | | | 8-10 | C404 | | | | | | | 6-7 | C404 | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Marketing dịch vụ công(1-2223_2)_QLC | 30 | 3 | 5 | 1-2 | C705 | | | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C705 | | | | | | |
| 17 | Ngân hàng thương mại(1-2223_2)_NH+LC | 70 | 3 | 5 | 1-2 | C404 | | | | | | | | | | | 3-5 | C404 | | | | | | | | | | |
| 18 | Nghiên cứu thị trường(1-2223_2)_KHPT | 60 | 3 | 5 | | | 6-7 | C701 | | | | | 3-5 | C301 | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Nghiên cứu thị trường(1-2223_2)_KTPT | 70 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C401 | | | | | | | | | | | 1-2 | C401 | | | | | | |
| 20 | Nghiệp vụ kinh doanh XNK(1-2223_2)_QTDN | 70 | 3 | 5 | | | 6-8 | C603 | | | | | | | | | | | 6-7 | C401 | | | | | | | | |
| 21 | Nguyên lý thống kê kinh tế(1-2223_2)_TMQT | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | 3-5 | C308 | | | | | | | | | | | 1-2 | C302 | | |
| 22 | Phân tích chính sách(1-2223_2)_QLC | 30 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C705 | | | | | | | 6-7 | C705 | | | | | | | | |
| 23 | Pháp luật Tố tụng dân sự và Tố tụng hình sự(1-2223_2)_LU01 | 70 | 3 | 5 | | | 6-7 | C303 | | | | | 3-5 | C703 | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | Pháp luật Tố tụng dân sự và Tố tụng hình sự(1-2223_2)_LU02 | 60 | 3 | 5 | | | 8-10 | C303 | | | | | 1-2 | C302 | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223_2)_DTH | 70 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C401 | | | | | | | | | | | 3-5 | C401 | | | | | | |
| 26 | Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223_2)_KTDN | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C304 | | | | | 3-5 | C304 | | | | | | | | | | |
| 27 | Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223_2)_PTDL | 90 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C302 | | | 3-4 | C304 | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223_2)_QTDN+DL | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C304 | | | | | | | | | 1-2 | C304 | | | | | | |
| 29 | Quan hệ công chúng(1-2223_2)_QTMA | 90 | 3 | 5 | | | 6-7 | C604 | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C604 | | | | | | |
| 30 | Quản lý tài chính công(1-2223_2)_TC | 90 | 3 | 5 | 1-2 | C304 | | | | | | | 3-5 | C402 | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | Quản trị chiến lược(1-2223_2)_01 | 100 | 3 | 5 | | | 6-7 | C308 | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C308 | | | | | | |
| 32 | Quản trị kinh doanh Logistics(1-2223_2)_TMQT | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C402 | | | | | | | | | 1-2 | C308 | | | | | | |
| 33 | Quản trị rủi ro(1-2223_2)_01 | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | 6-8 | C402 | | | | | | | | | 4-5 | C304 | | |
| 34 | Quản trị tổ chức sự kiện(1-2223_2)_01 | 110 | 3 | 5 | | | 9-10 | C308 | | | | | | | 6-8 | C308 | | | | | | | | | | | | |
| 35 | Thẩm định dự án đầu tư(1-2223_2)_DTU_A | 90 | 3 | 5 | | | 6-8 | C304 | | | | | | | 6-7 | C304 | | | | | | | | | | | | |
| 36 | Thẩm định dự án đầu tư(1-2223_2)_DTU_B | 90 | 3 | 5 | 1-2 | C402 | | | | | | | | | | | 3-5 | C402 | | | | | | | | | | |

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 37 | Thị trường chứng khoán(1-2223_2)_DTU_A | 90 | 3 | 5 | 3-5 | C402 | | | | | | | | | | | 1-2 | C402 | | | | | | | | | | |
| 38 | Thị trường chứng khoán(1-2223_2)_DTU_B | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | | | | | 6-8 | C402 | 4-5 | C702 | | | | | | |
| 39 | Thuế(1-2223_2)_KTO01+TCKT | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | 6-7 | C702 | 3-5 | C308 | | | | | | | | | | |
| 40 | Thuế(1-2223_2)_KTO-02 | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | 8-10 | C401 | 1-2 | C308 | | | | | | | | | | |
| 41 | Thương mại điện tử(1-2223_2)_01_K11 | 100 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C408 | | | | | | | 6-7 | C408 | | | | | | | | |
| 42 | Thương mại quốc tế(1-2223_2)_01 | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C404 | | |
| 43 | Thương mại quốc tế(1-2223_2)_KTDN | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C404 | | | | | | | | |
| 44 | Toán tài chính(1-2223_2)_PTDL | 80 | 3 | 5 | | | | | | | | | 1-2 | C304 | | | | | | | | | | | 1-3 | C304 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ I, ĐỢT HỌC 2 - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12, HỆ ĐẠI TRÀ
## (09 TUẦN, TỪ NGÀY 07/11/2022 - 08/01/2023)

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 197 /TB-HVCSPT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)*

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 1 | Chính sách công(1-2223_2)_KTDN | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C302 | | | | | 6-7 | C308 | | | | |
| 2 | Chính sách công(1-2223_2)_KTKDS | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C704 | | | | | 3-5 | C401 | | | | | | | | | | |
| 3 | Chính sách công(1-2223_2)_PTDL | 60 | 3 | 5 | 3-5 | C703 | | | | | | | | | 6-7 | C701 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Chính sách công(1-2223_2)_TMQT-A | 70 | 3 | 5 | | | 6-7 | C703 | | | | | | | 8-10 | C701 | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Chính sách công(1-2223_2)_TMQT-B | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | 3-5 | C701 | | | | | | | | | 6-7 | C402 | | | | |
| 6 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_DTH | 70 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C701 | | | | | | | | | | |
| 7 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_DTU-A | 90 | 2 | 4 | 1-4 | C702 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_DTU-B | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C302 | | | | | | |
| 9 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_KTDN | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | 1-4 | C702 | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_KTKDS | 70 | 2 | 4 | | | | | 1-4 | C703 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_KTPT | 100 | 2 | 4 | | | 6-9 | C408 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_LUKT-B | 70 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | 6-9 | C704 | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_PTDL | 70 | 2 | 4 | | | | | | | 6-9 | C703 | | | | | | | | | | | | | | | | |

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuầ | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 14 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_QTDN | 70 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C701 | | | | |
| 15 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_QTMA-A | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C408 | | | | | | |
| 16 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_QTMA-B | 90 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C402 | | |
| 17 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_TC-A | 50 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C405 | | | | | | | | | | |
| 18 | Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223_2)_TC-B+NH | 90 | 2 | 4 | | | | | 1-4 | C408 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Đấu thầu mua sắm 1(1-2223_2)_01 | 70 | 3 | 5 | | | 6-7 | C404 | | | | | | | 8-10 | C408 | | | | | | | | | | | | |
| 20 | Đấu thầu mua sắm 1(1-2223_2)_DTU-A | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | 1-2 | C308 | | | | | | | | | 8-10 | C404 | | | | |
| 21 | Đấu thầu mua sắm 1(1-2223_2)_DTU-B | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | 8-10 | C304 | 1-2 | C702 | | | | | | | | | | |
| 22 | Địa lý Kinh tế(1-2223_2)_01 | 70 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C404 | | | | | | | | | | | | | 8-10 | C608 | | | | |
| 23 | Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(1-2223_2)_01 | 40 | 2 | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C401 | | | | |
| 24 | Kinh tế đầu tư(1-2223_2)_DAUTHAU | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C401 | | | | | | | 1-2 | C401 | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | Kinh tế đầu tư(1-2223_2)_KTO-A | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | 3-5 | C401 | | | 1-2 | C401 | | | | | | | | | | |
| 26 | Kinh tế đầu tư(1-2223_2)_KTO-B | 50 | 3 | 5 | 3-5 | C410 | | | | | | | | | | | | | | | | | 6-7 | C305 | | | | |
| 27 | Kinh tế quốc tế(1-2223_2)_KTDN | 90 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C602 | | | | | | | | | | | 1-2 | C604 | | | | | | |
| 28 | Kinh tế quốc tế(1-2223_2)_TMQT-A | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-8 | C605 | | | | | | | | | | | 6-7 | C608 | | | | |
| 29 | Kinh tế quốc tế(1-2223_2)_TMQT-B | 70 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C301 | | | | | | | | | | | 3-5 | C701 | | | | | | |
| 30 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_LUKT-A | 60 | 3 | 5 | 1-2 | C704 | | | | | | | 3-5 | C605 | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_LUKT-B | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C608 | | | | | | | | | | | 6-8 | C704 | | | | |

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuầ | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 32 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_QLNN | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C704 | | | | | | | | | 6-7 | C303 | | | | | | | | | | | | |
| 33 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_QTMA-A | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C404 | | | | | | | | | | | 8-10 | C408 | | | | |
| 34 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_QTMA-B | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C404 | | | | | | | | | | | 6-7 | C408 | | | | |
| 35 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_TC-A | 50 | 3 | 5 | | | 6-8 | C307 | | | | | | | 6-7 | C703 | | | | | | | | | | | | |
| 36 | Kinh tế vĩ mô 1(1-2223_2)_TC-B+NH | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | 1-2 | C408 | | | | | | | 1-3 | C702 | | | | | | |
| 37 | Kinh tế vi mô 2(1-2223_2)_DTH | 90 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C702 | | | | | | | | | | | | | 6-7 | C702 | | | | |
| 38 | Kinh tế vi mô 2(1-2223_2)_KTO-A | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C701 | | | | | | | | | 3-5 | C704 | | | | | | |
| 39 | Kinh tế vi mô 2(1-2223_2)_KTO-B | 50 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C307 | | | | | | | | | 1-2 | C305 | | | | | | |
| 40 | Luật Hình sự(1-2223_2)_LUKT-A | 70 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C303 | | | | | | | | | 6-7 | C301 | | | | | | | | |
| 41 | Luật Hình sự(1-2223_2)_LUKT-B | 70 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C701 | | | | | | | | | 8-10 | C301 | | | | | | | | |
| 42 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223_2)_DTU-A | 90 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C404 | | | | | | | 1-2 | C404 | | | | | | | | | | |
| 43 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223_2)_DTU-B | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C402 | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C302 | | |
| 44 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223_2)_KTO-A | 70 | 3 | 5 | | | 8-10 | C704 | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-2 | C303 | | |
| 45 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223_2)_KTO-B | 50 | 3 | 5 | | | | | 1-2 | C305 | | | | | | | 3-5 | C307 | | | | | | | | | | |
| 46 | Marketing căn bản(1-2223_2)_01 | 90 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | 8-10 | C404 | | | | | 1-2 | C404 | | | | | | |
| 47 | Marketing căn bản(1-2223_2)_KTKDS | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | 3-5 | C404 | | | | | | | 1-2 | C402 | | | | | | |
| 48 | Marketing căn bản(1-2223_2)_PTDL | 70 | 3 | 5 | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C702 | | | | | 6-7 | C404 | | | | |
| 49 | Marketing căn bản(1-2223_2)_QTDN | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C701 | | | | | 1-2 | C704 | | | | | | | | | | |

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | Số TC | Số tiết tuầ | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 50 | Nguyên lý kế toán(1-2223_2)_LUKT-A | 70 | 3 | 5 | | | 6-7 | C704 | | | | | | | | | 3-5 | C704 | | | | | | | | | | |
| 51 | Nguyên lý thống kê kinh tế(1-2223_2)_KTPT | 100 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C408 | | | | | | | | | | | 8-10 | C308 | | | | |
| 52 | Nguyên lý thống kê kinh tế(1-2223_2)_QLNN | 70 | 3 | 5 | | | | | | | 8-10 | C608 | | | | | | | | | | | 6-7 | C703 | | | | |
| 53 | Quản trị học(1-2223_2)_KTPT | 100 | 3 | 5 | | | | | | | | | 3-5 | C408 | | | | | | | | | | | 1-2 | C408 | | |
| 54 | Quản trị học(1-2223_2)_QTDN | 70 | 3 | 5 | 1-2 | C703 | | | | | | | | | | | | | | | 3-5 | C301 | | | | | | |
| 55 | Quản trị học(1-2223_2)_QTMA-A | 90 | 3 | 5 | 3-5 | C408 | | | | | | | | | 6-7 | C408 | | | | | | | | | | | | |
| 56 | Quản trị học(1-2223_2)_QTMA-B | 90 | 3 | 5 | | | 6-7 | C302 | | | | | | | 8-10 | C702 | | | | | | | | | | | | |
| 57 | Tài chính doanh nghiệp(1-2223_2)_TC-A | 50 | 3 | 5 | | | | | 3-5 | C309 | | | | | | | | | | | | | | | 1-2 | C311 | | |
| 58 | Tài chính doanh nghiệp(1-2223_2)_TC-B+NH | 90 | 3 | 5 | | | | | | | 6-7 | C702 | | | | | | | 8-10 | C302 | | | | | | | | |
| 59 | Tài chính doanh nghiệp(1-2223_2)_TMQT-A | 70 | 3 | 5 | 3-5 | C701 | | | | | | | | | | | 1-2 | C703 | | | | | | | | | | |
| 60 | Tài chính doanh nghiệp(1-2223_2)_TMQT-B | 70 | 3 | 5 | 1-2 | C701 | | | | | | | | | | | 3-5 | C703 | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ I, ĐỢT HỌC 2 - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10, HỆ CHẤT LƯỢNG CAO
## (09 TUẦN, TỪ NGÀY 07/11/2022 - 08/01/2023)

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 157 /TB-HVCSPT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)*

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | GV | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 1 | Đầu tư quốc tế(1-2223-2)_EN_CLC01 | 29 | TS. Lưu Minh Đức | 5 | 4-5 | C307 | | | | | | | 1-3 | C305 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Đầu tư quốc tế(1-2223-2)_EN_CLC02 | 29 | TS. Lưu Minh Đức | 5 | 1-3 | C307 | | | | | | | 4-5 | C305 | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Khởi sự doanh nghiệp(1-2223-2)_EN_CLC01 | 17 | ThS. Vũ Ngọc Anh | 5 | 1-3 | C305 | | | | | | | | | | | 4-5 | C410 | | | | | | | | | | |
| 4 | Quản trị chuỗi cung ứng(1-2223-2)_EN_CLC01 | 37 | ThS. Nguyễn Thị Liễu Trang | 5 | | | 6-8 | C305 | | | | | | | 9-10 | C305 | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Quản trị chuỗi cung ứng(1-2223-2)_EN_CLC02 | 37 | ThS. Nguyễn Thị Liễu Trang | 5 | | | 9-10 | C305 | | | | | | | 6-8 | C305 | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Quản trị rủi ro tài chính(1-2223-2)_EN_CLC01 | 20 | TS. Lê Thị Nhung | 5 | | | | | | | | | | | | | 4-5 | C305 | | | | | | | 1-3 | C305 | | |
| 7 | Quản trị vận hành(1-2223-2)_EN_CLC01 | 17 | ThS. Vũ Ngọc Anh | 5 | 4-5 | C305 | | | | | | | | | | | 1-3 | C410 | | | | | | | | | | |
| 8 | Thẩm định dự án đầu tư(1-2223-2)_EN_CLC01 | 20 | ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền | 5 | | | | | | | 6-9 | C305 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Thị trường chứng khoán(1-2223-2)_EN_CLC01 | 20 | ThS. Trần Hoàng Minh | 5 | | | | | 4-5 | C305 | | | | | | | 1-3 | C305 | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ I, ĐỢT HỌC 2 - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11, HỆ CHẤT LƯỢNG CAO
## (09 TUẦN, TỪ NGÀY 07/11/2022 - 08/01/2023)

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 1(9)/TB-HVCSPT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)*

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | GV | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 1 | Kế toán quản trị(1-2223-2)_EN_CLC01 | 28 | ThS. Đoàn Anh Tuấn | 5 | | | | | | | | | 1-3 | C311 | | | | | | | 4-5 | C311 | | | | | | |
| 2 | Kế toán quản trị(1-2223-2)_EN_CLC02 | 28 | ThS. Cồ Văn Chiến | 5 | | | | | 1-2 | C311 | | | | | | | | | | | | | | | 1-3 | C309 | | |
| 3 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223-2)_EN_CLC01 | 37 | ThS. Nguyễn Trần Khánh | 5 | | | | | | | 6-8 | C309 | | | | | | | | | | | 9-10 | C309 | | | | |
| 4 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223-2)_EN_CLC02 | 37 | ThS. Nguyễn Trần Khánh | 5 | | | | | | | 9-10 | C309 | | | | | | | | | | | 6-8 | C309 | | | | |
| 5 | Quan hệ công chúng(1-2223-2)_EN_CLC01 | 16 | ThS. Phạm Hoàng Cường | 5 | 4-5 | C309 | | | | | | | | | | | 3-5 | C309 | | | | | | | | | | |
| 6 | Quản trị học(1-2223-2)_EN_CLC01 | 16 | TS. Nguyễn Thùy Linh | 5 | | | 6-8 | C309 | | | | | | | 9-10 | C307 | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Kinh tế vi mô 2(1-2223-2)_EN_CLC01 | 39 | TS. Phạm Thị Mỹ Hạnh | 5 | | | | | | | | | | | 8-10 | C409 | | | | | 1-2 | C309 | | | | | | |
| 8 | Quản lý tài chính công(1-2223-2)_VN_CLC01 | 20 | TS. Vũ Thị Nhài | 5 | | | | | 1-4 | C307 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Quản trị ngân hàng thương mại(1-2223-2)_EN_CLC01 | 20 | TS. Nguyễn Thùy Linh | 5 | | | 9-10 | C309 | | | | | | | 6-8 | C307 | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ I, ĐỢT HỌC 2 - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12, HỆ CHẤT LƯỢNG CAO
## (09 TUẦN, TỪ NGÀY 07/11/2022 - 08/01/2023)

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 197 /TB-HVCSPT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)*

| STT | Lớp Môn Tín Chỉ | Số SV | GV | Số tiết tuần | Thứ 2 | | | | Thứ 3 | | | | Thứ 4 | | | | Thứ 5 | | | | Thứ 6 | | | | Thứ 7 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều | Tiết | GĐ Sáng | Tiết | GĐ chiều |
| 1 | Kinh tế vi mô 1(1-2223-2)_EN_CLC01 | 44 | ThS. Hoàng Kim Thu | 5 | | | | | 3-5 | C311 | | | | | | | | | 6-7 | C311 | | | | | | | | |
| 2 | Kinh tế vi mô 1(1-2223-2)_EN_CLC02 | 44 | ThS. Hoàng Kim Thu | 5 | | | | | | | 6-8 | C311 | | | | | | | 8-9 | C311 | | | | | | | | |
| 3 | Kinh tế vi mô 1(1-2223-2)_EN_CLC03 | 44 | TS. Phạm Thị Mỹ Hạnh | 5 | | | | | | | | | | | 6-7 | C311 | | | | | 3-5 | C305 | | | | | | |
| 4 | Pháp luật kinh tế(1-2223-2)_VN_CLC01 | 44 | TS. Nguyễn Thái Nhạn | 7 | 1-4 | C311 | | | | | | | | | | | | | 8-10 | C305 | | | | | | | | |
| 5 | Pháp luật kinh tế(1-2223-2)_VN_CLC02 | 44 | TS. Nguyễn Thái Nhạn | 7 | | | 6-9 | C311 | | | | | | | 8-10 | C311 | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Pháp luật kinh tế(1-2223-2)_VN_CLC03 | 44 | TS. Nguyễn Thái Nhạn | 7 | | | | | | | 6-8 | C405 | | | | | 1-4 | C311 | | | | | | | | | | |
| 7 | Tư tưởng Hồ Chí Minh(1-2223-2)_VN_CLC01 | 44 | ThS. Vũ Thị Minh Tâm | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1-4 | C307 | | |
| 8 | Tư tưởng Hồ Chí Minh(1-2223-2)_VN_CLC02 | 44 | ThS. Vũ Thị Minh Tâm | 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 6-9 | C307 | | | | |
| 9 | Tư tưởng Hồ Chí Minh(1-2223-2)_VN_CLC03 | 44 | ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga | 4 | | | | | | | | | 1-4 | C410 | | | | | | | | | | | | | | |